TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH T

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:346 /2023/DS-PT
Ngày23-6- 2023
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH T

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Bà **Nguyễn Ái Đoan**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh T.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T tham gia phiên tòa:* Bà **Hà Thúy Thảo**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 05năm 2023 về tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2023/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân Thị xã CL, tỉnh T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Thúy H, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân An, xã Tân Phú, Thị xã CL, tỉnh T.

- *Bị đơn*: Anh Ngô Văn NH, sinh năm 1976

Bà Trần Ngọc A, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Thới, xã Tân Phú, Thị xã CL, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn :

Ông Phan Văn Dũng , sinh năm :1963 (có mặt)

Địa chỉ : Khu phố 1 Thị Trấn M, huyện T, tỉnh T

(Theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2022)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ngô văn NH, Trần Ngọc A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị Thúy H trình bày: Vào năm 2021, bà có tham gia 01 dây hụi do bà Trần Ngọc A làm đầu thảo. Cụ thể như sau: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 10/9/2021, mỗi tháng khui một lần, có 21 phần, bà tham gia một phần. Từ lần khui thứ nhất đến thứ 11 bà đều đóng tiền hụi đầy đủ, đến lần khui hụi thứ 12 thì bà A ngưng không khui nữa. Tổng số tiền bà A còn nợ bà trong dây hụi này là: 2.000.000 đồng x 11 phần = 22.000.000 đồng. Sau đó bà A có trả cho bà 1.000.000 đồng nên còn nợ lại bà số tiền hụi là 21.000.000 đồng.

Tại thời điểm giao dịch hụi bà Trần Ngọc A với anh Ngô Văn NH là vợ chồng nên đây là khoản nợ chung của hai vợ chồng. Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Ngô Văn NH và bà Trần Ngọc A phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tổng số tiền hụi là 21.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Ngọc A trình bày: Anh Ngô Văn NH là chồng của bà. Bà có làm đầu thảo hụi, do bị bể hụi nên hiện còn nợ bà H tổng số tiền hụi là 21.000.000 đồng như bà H trình bày. Khi tổ chức chơi hụi, bà khui hụi tại nhà chung của bà với anh NH, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình là do bà lo, nhưng việc bà chơi hụi với bà H anh NH không có tham gia. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thúy H, bà có ý kiến như sau: Thống nhất có nợ bà Phan Thị Thúy H 21.000.000 đồng tiền hụi, đồng ý lãnh trách nhiệm cá nhân trả cho bà H số tiền trên nhưng xin trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ do bị bể hụi thiếu nợ nhiều người.

Tại đơn xin vắng mặt bị đơn anh Ngô Văn NH trình bày: Anh là chồng của bà Trần Ngọc A. Việc bà Trần Ngọc A chơi hụi với nguyên đơn anh không biết nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sơ thẩm số 114/2022/DS-ST ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Toà án nhân dân Thị xã Cai Lậy, tỉnh T đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 288, Điều 357, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thúy H về việc buộc anh Ngô Văn NH và bà Trần Ngọc A phải cùng liên đới trả số tiền hụi là 21.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/12/2022 bị đơn Bị đơn Ngô văn NH, Trần Ngọc A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc giải quyết bao gồm: Kháng cáo một phần bản án sơ

thẩm số 114/2022/DS-ST ngày 19/12/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã CL, bà A chỉ đồng ý trả số tiền là 10.780.000 đồng và xin trả dần mỗi kỳ 03 tháng trả 3.000.000đồng . Ông NH không đồng ý liên đới trả nợ cùng bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm: về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội quy phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật; Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm; Về nội dung vụ án: Bản án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ , hòa giải và xét xử đúng theo pháp luật . Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh , bà A xin trả dần không được bà H đồng ý.Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm theo khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Trần Ngọc A và ông Ngô Văn NH, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" là có căn cứ và phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm th2i ông NH, bà A nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Phan Thị Thúy H là hụi viên tham gia chơi hụi do bà Trần Ngọc A (Bị đơn) làm chủ thảo theo hình thức hụi có lãi và đầu thảo hưởng huê hồng. Dây hụi khui ngày 10/9/2021 gồm 21 phần, Bà H tham gia 01 phần, đóng hụi sống đến kỳ khui hụi thứ 11 thì chủ thảo Trần NGọc A tuyên bố ngưng hụi. Bà H khởi kiện yêu cầu bà A cùng chồng là ông Ngô Văn NH phải có nghĩa vụ trả số tiền 11 kỳ x 2.000.000đồng/ kỳ = 22.000.000đồng – 1.000.0000đồng (đã trả), còn lại 21.000.000đồng ,yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Quá trình giai quyết ở giai đoạn sơ thẩm thì bà A cũng thừa nhận số nợ còn thiếu là 21.000.000đồng và xin trả dần. Ông NH thì không đồng ý liên đới cùng trả nợ. Sau khi xét xử sơ thẩm thì Bà A kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền vốn đã đóng là 11.780.000đồng, ông NH không đồng ý liên đới trả nợ .

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Ngọc A và ông Ngô Văn NH, Hội đồng xét xử nhận thấy:Bà H và bà A cùng trình bày thống nhất, bà A là chủ Thảo hụi còn bà H là hụi viên tham gia chơi hụi khui ngày 10/9/2022, dây hụi gồm 21 phần , trị giá 2.000.000đồng/ phần . Bà H tham gia 01 phần đã đóng huị sống được 11 kỳ thì bà A tuyên bố ngưng hụi. Đây là sự khiện không cần phải chứng minh theo qui định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đã có cơ sở xác định quan hệ hợp đồng góp hụi giữa bà A (chủ thảo) và bà H (hụi viên) thực tế phát sinh , giao dịch hụi này là hụi có lãi và chủ thảo hưởng huê hồng theo thỏa thuận. Bà A kháng cáo chỉ đồng ý trả lại cho bà H số tiền hụi sống đã đóng là 12.780.000đồng – 1.000.000đồng (đã trả), còn lại 11.780.000đồng . Xét thấy, yêu cầu kháng cáo của bà A là không có cơ sở bởi các căn cứ như sau :

[3.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với điểm a, diểm d khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 19/2019/ND-CP ngày 19/02/2019. Cụ thể

“Điều 15. Quyền của thành viên

1. Thành viên trong họ không có lãi có các quyền sau đây:

a) Góp một hoặc nhiều phần họ trong một kỳ mở họ;

b) Lĩnh họ;

c) Chuyển giao một phần hoặc toàn bộ phần họ cho người khác theo quy định tại Bộ luật dân sự;

d) Yêu cầu chủ họ hoặc người giữ sổ họ cho xem, sao chụp sổ họ và cung cấp các thông tin liên quan đến dây họ;

đ) Yêu cầu chủ họ trả phần họ của thành viên không góp phần họ đúng hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

e) Yêu cầu chủ họ thực hiện đúng nghĩa vụ của chủ họ quy định tại Điều 18 của Nghị định này;

g) Yêu cầu thành viên khác thực hiện nghĩa vụ của thành viên quy định tại Điều 16 của Nghị định này;

h) Các quyền của thành viên quy định tại khoản 1 Điều 7, Điều 9, Điều 10 và Điều 13 của Nghị định này;

i) Thực hiện việc thông báo theo quy định tại Điều 14 của Nghị định này trong trường hợp chủ họ không thực hiện;

k) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận về dây họ.

2. Thành viên trong họ có lãi có các quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đưa ra mức lãi trong mỗi kỳ mở họ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 của Nghị định này;

c) Được lĩnh họ trước các thành viên khác nếu đưa ra mức lãi cao nhất tại kỳ mở họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác;

d) Hưởng lãi từ thành viên lĩnh họ.”

[3.2]Đối với 11 kỳ hụi đã khui và bà H đã đóng hụi sống thì phần tiền lãi của 11 kỳ hụi này là do những người hụi viên đã hốt hụi phải chịu lãi đối với bà

H do họ đã đưa ra mức lãi theo hình thức kiêu hụi (khui hụi) để họ được lĩnh hụi, bà A không phải là người chịu số lãi của 11 kỳ hụi này . Bà A là người chủ thảo hưởng huê hồng nên phải có trách nhiệm đi thu tiền hụi để giao lại cho người hốt hụi và phải chịu trách nhiệm của người chủ thảo theo qui định tại khoản 3, khoản 4 Điều 18 của Nghị Định số 19/2019/ND-CP ngày 19/02/2019. Cụ thể

"Điều 18. Nghĩa vụ của chủ họ

….

3. Giao các phần họ cho thành viên lĩnh họ tại mỗi kỳ mở họ.

4. Nộp thay phần họ của thành viên nếu đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Từ những căn cứ như trên, xét kháng cáo của bà A là không có cơ sở , không được chấp nhận.

[4]Xét kháng cáo của ông NH không đồng ý liên đới trả nợ : Xét thấy, tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào giao dịch góp hụi được xác lập trong thời kỳ hôn nhân giữa ông NH và bà A . Quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm thì bà A cũng trình bày tham gia giao dịch chơi hụi dùng để chi tiêu trong gia đình, nên Tòa án sơ thẩm buộc ông NH liên đới cùng bà A trả nợ là có căn cứ đúng pháp luật.Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông NH.

[5] Từ những căn cứ , phân tích như trên, xét kháng cáo của bà A , ông NH là không có cơ sớ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận . Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[6]Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị thì phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

[8]Về án phí: ba không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, nên ông NH , bà A cùng phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308, Điều148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn Điều 288, Điều 357, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Ngọc A và ông Ngô Văn NH. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 114/2022/DS-ST ngày 19/12/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã CL, tỉnh T.

2.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị Thúy H về việc buộc ông Ngô Văn NH và bà Trần Ngọc A phải cùng liên đới trả số tiền hụi là 21.000.000 đồng, thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 11/2022/QĐ-BPKCTT ngày 31/10/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã CL để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về án phí: Ông Ngô Văn NH và Bà Trần Ngọc A phải liên đới chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm và 1.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.Được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí do bà A và ông NH nộp theo biên lai thu số 0018336 ngày 30/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thị xã CL xem như thi hành xong án phí phúc thẩm, phải nộp tiếp số tiền 1.050.000đồng.

-Trả lại bà Phan Thị Thúy H 550.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002674 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Thị xã CL, tỉnh T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA